

Số: 4686/TCS-VPHĐQT

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin.
 2. Mã chứng khoán: TCS
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
 4. Điện thoại: 033.3862337, Fax: 033.3863945
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Doãn Mạnh Hà
Địa chỉ: Số nhà 11, Phố Võ Huy Tâm, Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Điện thoại: DD:0912330997, Cơ quan: 033 3935613, Nhà riêng: 033 3713183
Fax: 033 3863945
 6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 của Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin bao gồm: BCĐKT, KQSXKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế lớn hơn 10% so cùng kỳ năm 2016.
 7. Toàn bộ báo cáo tài chính được đăng tải vào ngày 14/08/2017 tại đường dẫn www.thancaoson.com.vn chọn mục quan hệ cổ đông, báo cáo tài chính.
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Ủy viên HĐQT, BKS
- Lưu VT, VPHĐQT

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Doãn Mạnh Hà

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017
và kết thúc vào ngày 30/06/2017



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

MỤC LỤC

	.Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 51



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2041/QĐBCN ngày 8/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 25/03/2011. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp số 5700101098, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2017, vốn điều lệ của Công ty là 268.467.730.000 VND, được chia thành 26.846.773 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	13.693.500	51%
2	Các đối tượng khác	13.153.273	49%
Cộng		26.846.773	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | | |
|-----------------------|----------|--------------------|
| - Ông Phạm Hồng Tài | Chủ tịch | |
| - Ông Phạm Văn Long | Ủy viên | |
| - Ông Phạm Thành Đông | Ủy viên | |
| - Ông Phạm Hồng Lương | Ủy viên | |
| - Ông Nghiêm Chí Minh | Ủy viên | Đến ngày 14/4/2017 |
| - Ông Trần Tuấn Anh | Ủy viên | Từ ngày 14/4/2017 |

Ban Giám đốc:

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | |
|-----------------------|--------------|
| - Ông Phạm Thành Đông | Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Sinh | Phó Giám đốc |
| - Ông Phạm Quốc Việt | Phó Giám đốc |
| - Ông Vương Văn Biên | Phó Giám đốc |
| - Ông Mai Huy Giáp | Phó Giám đốc |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

Ban Kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Lan Chi	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Duy Tiến	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017



Phạm Thành Đông



Số: *11*/2017/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin được lập ngày 10/08/2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 51 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

14064
NG T
HIỆM H
PKF
T NA
IAN -

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0576-2015-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		545.508.580.514	475.134.009.333
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	573.328.849	222.199.964
Tiền	111		573.328.849	222.199.964
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		293.888.833.891	137.739.131.248
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	282.165.485.757	126.614.519.748
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.122.125	15.522.125
Các khoản phải thu khác	136	5.4	11.714.226.009	11.109.089.375
Hàng tồn kho	140		196.673.179.262	238.748.774.329
Hàng tồn kho	141	5.5	196.673.179.262	238.748.774.329
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		54.373.238.512	98.423.903.792
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	53.867.763.020	73.086.515.920
Thuế GTGT được khấu trừ	152		652.002	652.002
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.12	504.823.490	25.336.735.870
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.666.425.125.870	1.590.406.088.261
Các khoản phải thu dài hạn	210		66.047.458.806	59.593.035.503
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	66.047.458.806	59.593.035.503
Tài sản cố định	220		1.011.580.948.919	1.054.554.004.361
TSCĐ hữu hình	221	5.7	1.011.329.968.297	1.054.182.341.941
- Nguyên giá	222		3.046.074.379.480	3.169.033.779.256
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.034.744.411.183)	(2.114.851.437.315)
TSCĐ vô hình	227	5.8	250.980.622	371.662.420
- Nguyên giá	228		1.842.376.690	1.842.376.690
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.591.396.068)	(1.470.714.270)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.6	104.566.774.210	73.502.536.310
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		104.566.774.210	73.502.536.310
Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.987.871.853	10.987.871.853
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	21.799.000.000	21.799.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(10.811.128.147)	(10.811.128.147)
Tài sản dài hạn khác	260		473.242.072.082	391.768.640.234
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	472.582.913.253	390.803.421.153
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		659.158.829	965.219.081
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.211.933.706.384	2.065.540.097.594

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.932.291.924.179	1.792.471.921.251
Nợ ngắn hạn	310		1.450.410.894.208	1.287.742.043.700
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	454.752.499.224	464.050.233.881
Người mua trả tiền trước	312		-	26.301.385.442
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	51.551.919.784	23.569.780.903
Phải trả người lao động	314		44.978.574.042	42.437.701.658
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	141.922.541.537	85.696.000
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	3.443.050.379	3.378.595.756
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	691.699.813.305	630.100.049.940
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	46.912.984.322	80.880.639.802
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.149.511.615	16.937.960.318
Nợ dài hạn	330		481.881.029.971	504.729.877.551
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	481.881.029.971	504.729.877.551
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		279.641.782.205	273.068.176.343
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	276.694.395.321	270.025.651.089
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		268.467.730.000	268.467.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		268.467.730.000	268.467.730.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		347.757.112	347.757.112
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.878.908.209	1.210.163.977
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.210.163.977	1.210.163.977
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.668.744.232	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.947.386.884	3.042.525.254
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		2.947.386.884	3.042.525.254
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.211.933.706.384	2.065.540.097.594

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.201.584.738.394	1.783.394.618.724
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		2.201.584.738.394	1.783.394.618.724
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	2.038.268.929.432	1.616.787.403.515
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		163.315.808.962	166.607.215.209
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	971.453.884	914.918.336
Chi phí tài chính	22	6.4	45.860.855.556	41.572.493.718
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.860.855.556	37.756.309.655
Chi phí bán hàng	24	6.7	10.825.718.217	6.712.339.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	102.239.767.066	112.496.204.940
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.360.922.007	6.741.095.644
Thu nhập khác	31	6.5	5.529.051.031	9.510.564.391
Chi phí khác	32	6.6	2.446.513.258	5.267.186.042
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.082.537.773	4.243.378.349
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.443.459.780	10.984.473.993
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.774.715.548	2.378.298.872
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		6.668.744.232	8.606.175.121
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	248	574
Lãi suy giảm trên cổ phiếu			248	321

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	8.443.459.780	10.984.473.993
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	95.957.464.078	120.439.032.082
Các khoản dự phòng	03	33.967.655.480	14.173.822.639
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.410.504.157)	(474.965.519)
Chi phí lãi vay	06	45.860.855.556	37.756.309.655
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	180.818.930.737	182.878.672.850
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(137.772.213.566)	(27.675.474.746)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	42.381.655.319	(82.310.142.751)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	61.235.848.620	(124.645.145.434)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(62.560.739.200)	(77.719.204.727)
Tiền lãi vay đã trả	14	(45.860.855.556)	(37.756.309.655)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	95.000.000	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.451.586.000)	(2.730.662.766)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.886.040.354	(169.958.267.229)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(78.682.212.891)	(81.411.022.404)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.439.050.273	428.757.805
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	971.453.884	46.207.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(75.271.708.734)	(80.936.056.885)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	864.087.871.257	1.006.132.954.530
Tiền trả nợ gốc vay	34	(825.336.955.472)	(751.827.997.706)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.118.520)	(3.709.357.614)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	38.736.797.265	250.595.599.210
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	222.199.964	1.266.424.971
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	573.328.849	967.700.067

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



GIAM ĐỐC

Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

Báo cáo tài chính giữa niên độ này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – TKV là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2041/QĐBCN ngày 8/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 25/03/2011. Công ty hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp số 5700101098, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: khai thác, chế biến và kinh doanh than. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Đến ngày 30/06/2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 2.806 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn để độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3227/TKV-KTTC ngày 07/07/2017 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.770 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.770 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.770 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

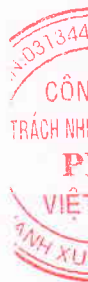
Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| - Nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa | Nhập trước xuất trước |
| - Nhiên liệu | Bình quân gia quyền |
| - Thành phẩm tồn kho và chi phí SXKD dở dang than | Giá trị được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị: 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 04 - 06 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 05 năm

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là Tương đương tiền;
- + Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- + Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm phí cấp quyền khai thác khoáng sản, phí sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các phụ tùng, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng. Chi phí phải trả của Công ty gồm tiền lãi vay phải trả, phí sử dụng thương hiệu Vinacomin và các chi phí phải trả khác.

4.13. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí (chi phí bóc đất, chi phí sửa chữa lớn,...).

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp số 5700101098, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, vốn điều lệ 268.467.730.000 VND được chia thành 26.846.773 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	Tỷ lệ
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	136.935.000.000	136.935.000.000	100%
Các cổ đông khác	131.532.730.000	131.532.730.000	100%
Cộng	268.467.730.000	268.467.730.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ tài chính.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty tạm tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 theo mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác,

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	141.093.803	912.599
Tiền gửi ngân hàng (ii)	432.235.046	221.287.365
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>573.328.849</u>	<u>222.199.964</u>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2017 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		141.093.803
Cộng		<u>141.093.803</u>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2017 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		432.235.046
<i>NH TMCP Công Thương VN - CN Cẩm Phả</i>		242.396.331
<i>NH Đầu tư và phát triển VN - CN Cẩm Phả</i>		49.340.674
<i>NH TMCP Ngoại Thương Quảng Ninh</i>		35.455.446
<i>NH TMCP Hàng Hải - CN Cẩm Phả</i>		5.569.467
<i>NH TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Quảng Ninh</i>		71.180.206
<i>NH TMCP Quốc Tế - CN Cẩm Phả</i>		27.649.199
<i>NH TMCP Á Châu - CN Đông đô</i>		643.723
Ngoại tệ		-
Cộng		<u>432.235.046</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Công ty CP Nhiệt Điện Cẩm Phả - TKV	21.799.000.000	10.987.871.853
	(10.811.128.147)	(10.811.128.147)
Tổng cộng	21.799.000.000	10.987.871.853
	(10.811.128.147)	(10.811.128.147)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	282.165.485.757	126.614.519.748
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	45.817.301.437	101.179.573.858
Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	235.527.357.423	-
Công ty cổ phần Tân Phú Xuân	-	23.799.929.551
Các khoản phải thu khách hàng khác	820.826.897	1.635.016.339
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại phụ biểu số 04)		
Cộng	282.165.485.757	126.614.519.748

5.4 Phải thu khác

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	11.714.226.009	-	11.109.089.375	-
Vé ăn công nghiệp	2.450.603.307	-	2.381.730.307	-
Tiền thu CBCNV – Công trình làng CN Cao Sơn	6.472.612.924	-	6.472.612.924	-
Thuế thu nhập cá nhân	533.523.826	-	576.550.638	-
Phải thu khác	2.257.485.952	-	1.678.195.506	-
b. Dài hạn	66.047.458.806	-	59.593.035.503	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	61.985.353.000	-	56.475.544.000	-
Lãi ký quỹ BVMT	4.062.105.806	-	3.117.491.503	-
Cộng	77.761.684.815	-	70.702.124.878	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.399.236.778	-	21.051.814.861	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	133.174.465.365	-	174.963.717.044	-
Thành phẩm	41.099.477.119	-	42.733.242.424	-
Cộng	196.673.179.262	-	238.748.774.329	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.6 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	104.566.774.210	-	73.502.536.310	-
Mua sắm	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản	104.566.774.210	-	73.502.536.310	-
Dự án cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn	104.566.774.210	-	73.502.536.310	-
Sửa chữa	-	-	-	-
Cộng	104.566.774.210	-	73.502.536.310	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	256.997.005.023	844.712.085.473	2.046.998.066.004	20.326.622.756	3.169.033.779.256
- Mua trong kỳ	-	51.249.334.039	4.157.539.000	-	55.406.873.039
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	10.000.000	-	10.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(44.726.999.281)	(133.649.273.534)	-	(178.376.272.815)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	256.997.005.023	851.234.420.231	1.917.516.331.470	20.326.622.756	3.046.074.379.480
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	81.873.649.229	607.084.100.516	1.416.685.092.619	9.208.594.951	2.114.851.437.315
- Khấu hao trong năm	4.930.318.446	23.360.617.368	66.396.612.898	1.149.233.568	95.836.782.280
- Hao mòn trong năm	645.509.670	-	85.617.456	28.490.274	759.617.400
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(44.726.999.281)	(131.976.426.531)	-	(176.703.425.812)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	87.449.477.345	585.717.718.603	1.351.190.896.442	10.386.318.793	2.034.744.411.183
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	175.123.355.794	237.627.984.957	630.312.973.385	11.118.027.805	1.054.182.341.941
Tại ngày cuối kỳ	169.547.527.678	265.516.701.628	566.325.435.028	9.940.303.963	1.011.329.968.297
Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp:					989.786.288.712
Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:					931.597.718.980
Nguyên giá tài sản chờ thanh lý:					244.818.291.605

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	-	1.842.376.690	-	1.842.376.690
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1.842.376.690	-	1.842.376.690
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	-	1.470.714.270	-	1.470.714.270
- Khấu hao trong kỳ	-	120.681.798	-	120.681.798
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1.591.396.068	-	1.591.396.068
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	-	371.662.420	-	371.662.420
Tại ngày cuối kỳ	-	250.980.622	-	250.980.622

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a. Ngắn hạn	53.867.763.020	73.086.515.920
Công cụ, dụng cụ	48.329.130.975	66.881.056.240
Chi phí bảo hiểm xe cơ giới	5.307.279.060	5.949.208.772
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	231.352.985	256.250.908
b. Dài hạn	472.582.913.253	390.803.421.153
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	13.778.043.327	25.025.868.723
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	350.344.578.920	230.385.025.400
Phí sử dụng số liệu thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản	26.945.343.265	28.922.113.319
Công cụ, dụng cụ	11.656.927.639	11.347.137.963
Chi phí sửa chữa lớn	68.501.347.701	93.166.475.173
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.356.672.401	1.956.800.575
Cộng	526.450.676.273	463.889.937.073

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.10 Vay và nợ thuế tài chính

	01/01/2017		30/06/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
	(VND)		(VND)	
a. Vay ngắn hạn	481.820.574.416	481.820.574.416	804.287.871.257	536.840.152.963
<i>Các khoản vay ngắn hạn</i>	481.820.574.416	481.820.574.416	804.287.871.257	536.840.152.963
NH TMCP Công thương – CN QN	238.941.158.890	238.941.158.890	294.371.259.365	196.713.475.063
NH TMCP Sài Gòn – Hà Nội – CN QN	114.850.051.798	114.850.051.798	66.796.516.370	15.696.516.370
NH TMCP ĐT& và PT VN – CN QN	128.029.363.728	128.029.363.728	315.727.948.806	197.038.014.814
NH TMCP Ngoại thương – CN CP	-	-	127.392.146.716	127.392.146.716
b. Vay dài hạn	653.009.353.075	653.009.353.075	59.800.000.000	636.740.690.313
<i>Từ 1 đến dưới 5 năm</i>	18.088.000.000	18.088.000.000	-	13.454.000.000
NH TMCP Công thương – CN QN	4.884.000.000	4.884.000.000	-	2.448.000.000
NH TMCP Quốc tế – CN QN	13.204.000.000	13.204.000.000	-	11.006.000.000
<i>Từ 5 năm trở lên</i>	634.921.353.075	634.921.353.075	59.800.000.000	623.286.690.313
NH TMCP Công thương – CN QN	49.739.985.104	49.739.985.104	-	40.006.568.342
NH TMCP Sài Gòn – Hà Nội – CN QN	383.260.466.926	383.260.466.926	59.800.000.000	402.807.918.926
NH TMCP Quốc tế – CN QN	57.184.325.045	57.184.325.045	-	48.690.325.045
NH TMCP ĐT& và PT VN – CN QN	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-
NH TMCP Ngoại thương – CN CP	95.470.000.000	95.470.000.000	-	88.170.000.000
NH TMCP Hàng Hải – CN QN	12.658.500.000	12.658.500.000	-	11.392.650.000
NH TMCP Á Châu – CN Đông Đô	35.208.076.000	35.208.076.000	-	32.219.228.000
Cộng	1.134.829.927.491	1.134.829.927.491	864.087.871.257	1.173.580.843.276
			825.336.955.472	1.173.580.843.276



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2017 (VND)		30/06/2017 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
NH TMCP Công thương – CN Quảng Ninh	22.918.583.524	22.918.583.524	17.611.568.342	17.611.568.342
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội – CN Quảng Ninh	78.567.496.000	78.567.496.000	90.954.696.000	90.954.696.000
NH TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh	21.384.000.000	21.384.000.000	21.384.000.000	21.384.000.000
NH TMCP ĐT& và PT VN - CN Quảng Ninh	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-
NH TMCP Ngoại thương – CN Cẩm Phả	15.500.000.000	15.500.000.000	16.400.000.000	16.400.000.000
NH TMCP Hàng Hải – CN QN	2.531.700.000	2.531.700.000	2.531.700.000	2.531.700.000
NH TMCP Á Châu – CN Đồng Đô	5.977.696.000	5.977.696.000	5.977.696.000	5.977.696.000
	148.279.475.524	148.279.475.524	154.859.660.342	154.859.660.342
d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính				
d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	630.100.049.940	630.100.049.940	691.699.813.305	691.699.813.305
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	504.729.877.551	504.729.877.551	481.881.029.971	481.881.029.971
Cộng	1.134.829.927.491	1.134.829.927.491	1.173.580.843.276	1.173.580.843.276

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.11 Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	454.752.499.224	454.752.499.224	464.050.233.881	464.050.233.881
Công ty cổ phần vật tư - TKV	74.020.553.285	74.020.553.285	165.738.296.746	165.738.296.746
Công ty cổ phần Hàng Hải Quảng Hưng	45.481.937.212	45.481.937.212	16.285.623.787	16.285.623.787
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	47.954.085.182	47.954.085.182	26.053.157.982	26.053.157.982
Công ty cổ phần công nghiệp Tân Tiến	44.258.748.314	44.258.748.314	5.728.995.346	5.728.995.346
Công ty cổ phần Tân Phú Xuân	40.813.009.967	40.813.009.967	-	-
Công ty cổ phần Hoa Sơn	25.107.881.520	25.107.881.520	7.725.486.411	7.725.486.411
Công ty cổ phần kinh doanh Than Cẩm Phả - vinacomin	19.036.718.581	19.036.718.581	16.158.306.951	16.158.306.951
Công ty cổ Phần Nam Đông Sơn	15.578.781.632	15.578.781.632	6.848.584.497	6.848.584.497
Công ty cổ phần du lịch và thương mại - Vinacomin	14.342.608.513	14.342.608.513	15.158.816.313	15.158.816.313
Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	13.590.921.981	13.590.921.981	8.353.795.550	8.353.795.550
Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	13.204.509.509	13.204.509.509	7.316.382.278	7.316.382.278
Công ty cổ phần kim khí Thành Đô	10.006.772.626	10.006.772.626	33.960.528.720	33.960.528.720
Các khách hàng khác	91.355.970.902	91.355.970.902	154.722.259.300	154.722.259.300
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	454.752.499.224	454.752.499.224	464.050.233.881	464.050.233.881
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

Phải trả người bán là các bên liên quan : Phụ biểu 04

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2017 (VND)
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	64.338.207.363	62.647.244.398	1.690.962.965
Thuế tài nguyên	15.200.777.617	259.114.528.880	230.550.687.834	43.764.618.663
Thuế nhà đất tiền thuế đất	3.877.155.786	9.972.555.991	9.091.113.621	4.758.598.156
Thuế thu nhập cá nhân	-	102.640.035	102.640.035	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.491.847.500	176.406.611.000	179.560.718.500	1.337.740.000
Cộng	23.569.780.903	509.934.543.269	481.952.404.388	51.551.919.784
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	23.023.398.058	23.023.398.058	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.924.542.317	1.774.715.548	-	149.826.769
Thuế thu nhập cá nhân	388.795.495	33.798.774	-	354.996.721
Cộng	25.336.735.870	24.831.912.380	-	504.823.490

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.13 Chi phí phải trả

	<u>30/06/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
a. Ngắn hạn	141.922.541.537	85.696.000
Chi phí thuê vận chuyển đất đá bằng băng tải	97.921.507.486	-
Phí sử dụng thương hiệu Vinacomin	5.375.265.909	-
Chi phí thuê vận chuyển đất	29.838.218.546	-
Chi phí thuê sàng	5.247.927.675	-
Chi phí thuê bốc xúc đất đá	2.174.239.169	-
Chi phí phải trả khác	1.365.382.752	85.696.000
b. Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>141.922.541.537</u>	<u>85.696.000</u>

5.14 Phải trả khác

	<u>30/06/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
a. Ngắn hạn	3.443.050.379	3.378.595.756
Kinh phí công đoàn	67.985.958	114.461.130
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	123.614.369	137.732.889
Các quỹ phải nộp Tập đoàn	1.408.603.931	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.842.846.121	3.126.401.737
b. Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>3.443.050.379</u>	<u>3.378.595.756</u>
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

5.15 Dự phòng phải trả

	<u>30/06/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
a. Ngắn hạn	46.912.984.322	80.880.639.802
Chi phí sửa chữa TSCĐ	18.095.067.539	-
Chi phí bóc đất hạt hệ số	28.817.916.783	-
Chi phí thuê vận chuyển đất đá bằng băng tải	-	80.880.639.802
b. Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>46.912.984.322</u>	<u>80.880.639.802</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ ĐT PT		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	149.992.290.000	149.992.290.000	-	-	103.718.068.560	15.105.128.552	-	-	-	-	268.815.487.112	
Tăng vốn trong năm trước	118.475.440.000	118.475.440.000	-	-	11.879.663.300	-	-	-	-	-	130.355.103.300	
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	1.210.163.977	-	1.210.163.977	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	(115.597.731.860)	(14.757.371.440)	-	-	-	-	(130.355.103.300)	
Số dư cuối năm trước/ đầu kỳ này	268.467.730.000	268.467.730.000	-	-	-	347.757.112	-	-	1.210.163.977	-	270.025.651.089	
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	6.668.744.232	-	6.668.744.232	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ này	268.467.730.000	268.467.730.000	-	-	-	347.757.112	-	-	7.878.908.209	-	276.694.395.321	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	136.935.000.000	136.935.000.000
Vốn góp của các Cổ đông	131.532.730.000	131.532.730.000
Cộng	268.467.730.000	268.467.730.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu tư đầu kỳ	268.467.730.000	149.992.290.000
Vốn đầu tư tăng trong kỳ	-	118.475.440.000
Vốn đầu tư giảm trong kỳ	-	-
Vốn đầu tư cuối kỳ	268.467.730.000	268.467.730.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Số lượng CP đăng ký phát hành	26.846.773	26.846.773
Số lượng CP đã bán ra công chúng	26.846.773	26.846.773
Cổ phiếu phổ thông	26.846.773	26.846.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.846.773	26.846.773
Cổ phiếu phổ thông	26.846.773	26.846.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của Công ty

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	347.757.112	347.757.112
Cộng	347.757.112	347.757.112

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất

5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Tài sản thuê ngoài

	30/06/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn từ trên 1 năm đến 5 năm	<u>388.823.446.000</u>	<u>516.087.110.976</u>
Cộng	<u>388.823.446.000</u>	<u>516.087.110.976</u>

- Giá trị của 10 xe ô tô tải tự đổ Caterpillar 777D theo hợp đồng số 4750 ngày 14/08/2012 giữa Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hanco có nội dung như sau: Thời hạn thuê 48 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng, tổng giá trị tài sản thuê là 219.734.515.000 đồng (Đã bao gồm thuế GTGT 10%). Phụ lục Hợp đồng số 1271/PLHĐ-TCS-KH ngày 20/12/2016 gia hạn thời gian thuê, thời gian thuê còn lại sau khi gia hạn tính từ tháng 3/2016 còn 22 tháng.
- Giá trị của 02 xe gạt Caterpillar, model D8R theo hợp đồng số 499 ngày 24/01/2013 giữa Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kim khí Thành Đô nội dung như sau: Thời gian thuê 48 và 60 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng, tổng giá trị tài sản thuê là 11.534.435.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).
- Giá trị của 02 máy xúc Volvo L180G theo hợp đồng số 4873/HĐ-TCS-KH>SP ngày 11/08/2014 giữa Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kim khí Thành Đô nội dung như sau: Thời gian thuê 60 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng, tổng giá trị tài sản thuê là 17.337.540.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).
- Giá trị của 01 xe gạt bánh xích Cat D8R theo hợp đồng số 4874/HĐ-TCS-KH>SP ngày 11/08/2014 giữa Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Liên danh Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hải Trung và Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái có nội dung như sau: Thời gian thuê 60 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng, tổng giá trị tài sản thuê là 10.783.300.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).
- Giá trị của 06 ô tô tải tự đổ khung cứng Cat 777D theo hợp đồng số 4585/HĐ-TCS-KH>SP ngày 29/07/2014 giữa Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin và Liên danh Công ty cổ phần Kim khí Thành Đô và Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái có nội dung như sau: Thời gian thuê 60 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng, tổng giá trị tài sản thuê là 129.433.656.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.201.584.738.394	1.783.394.618.724
Doanh thu bán hàng	2.158.507.907.190	1.753.335.632.904
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.076.831.204	30.058.985.820

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Giá vốn hàng bán	1.995.216.709.084	1.586.842.731.123
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	43.052.220.348	29.944.672.392
Cộng	2.038.268.929.432	1.616.787.403.515

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.839.581	46.207.714
Lãi tiền gửi ký quỹ môi trường	944.614.303	868.710.622
Cộng	971.453.884	914.918.336

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền vay	45.860.855.556	37.756.309.655
Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	-	3.816.184.063
Cộng	45.860.855.556	41.572.493.718

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ	2.439.050.273	428.757.805
Thu nhập từ bán vật tư phụ tùng phế liệu	2.042.029.233	4.478.765.004
Thu từ bồi thường hiện vật	85.681.033	175.406.926
Thu phí sửa chữa đường mỏ	378.959.950	803.448.025
Hàng khuyến mại, giảm giá, chiết khấu	-	1.160.000.000
Bồi thường tài sản tai nạn, hỏa hoạn	-	1.798.406.623
Các khoản khác	583.330.542	665.780.008
Cộng	5.529.051.031	9.510.564.391

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Tiền phạt hành chính	90.300.000	-
Chi phụ tùng, vật tư, dầu nhờn phế liệu	1.738.314.822	4.332.477.874
Chi phí hao hụt nhiên liệu theo ĐM	-	23.745.934
Bồi thường hao hụt do vận chuyển	126.132.380	-
Chi phí khấu hao tài sản ngừng hoạt động	298.211.856	630.204.365
Các khoản khác	193.554.200	280.757.869
Cộng	2.446.513.258	5.267.186.042

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	102.239.767.066	112.496.204.940
Chi phí nhân viên	12.273.001.568	11.864.643.355
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.108.909.757	3.723.113.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.200.414.252	4.311.702.369
Thuế phí và lệ phí	70.413.777.991	76.348.604.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.635.756.470	3.389.176.958
Chi phí khác bằng tiền	9.607.907.028	12.858.964.284

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	10.825.718.217	6.712.339.243
Chi phí nhân viên	6.251.725.564	3.788.884.675
Chi phí vật liệu	3.129.849.462	1.467.246.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.635.802	198.635.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.245.507.389	1.257.572.324
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	113.065.485.283	119.208.544.183
6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
a. Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố	2.071.805.383.723	1.716.855.009.671
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	519.453.494.935	554.246.259.529
Chi phí nhân công	169.795.964.055	140.634.050.289
Chi phí khấu hao TSCĐ	95.659.252.222	119.808.827.717
Chi phí dịch vụ mua ngoài	846.372.320.721	691.150.688.986
Chi phí khác bằng tiền	440.524.351.790	211.015.183.150
b. Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	2.071.805.383.723	1.716.855.009.671
6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ	2.208.085.243.309	1.793.820.101.451
Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	2.199.641.783.529	1.782.835.627.458
Chi phí không được trừ	430.117.960	907.020.365
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	8.873.577.740	11.891.494.358
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.774.715.548	2.378.298.872
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.774.715.548	2.378.298.872

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.668.744.232	8.606.175.121
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	6.668.744.232	8.606.175.121
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	26.846.773	14.999.299
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	248	574

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	864.087.871.257
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	825.336.955.472
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 30/06/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	573.328.849	-	573.328.849
Phải thu khách hàng	282.165.485.757	-	282.165.485.757
Đầu tư	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Phải thu khác	11.723.348.134	66.047.458.806	77.770.806.940
Trừ:	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(10.811.128.147)	(10.811.128.147)
Tổng cộng	294.462.162.740	77.035.330.659	371.497.493.399
Ngày 30/06/2017			
Các khoản vay và nợ	691.699.813.305	481.881.029.971	1.173.580.843.276
Phải trả người bán	454.752.499.224	-	454.752.499.224
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	288.809.070.064	-	288.809.070.064
Tổng cộng	1.435.261.382.593	481.881.029.971	1.917.142.412.564
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.140.799.219.853)	(404.845.699.312)	(1.545.644.919.165)
Ngày 01/01/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	222.199.964	-	222.199.964
Phải thu khách hàng	126.614.519.748	-	126.614.519.748
Đầu tư	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Phải thu khác	11.124.611.500	59.593.035.503	70.717.647.003
Trừ:	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(10.811.128.147)	(10.811.128.147)
Tổng cộng	137.961.331.212	70.580.907.356	208.542.238.568
Ngày 01/01/2017			
Các khoản vay và nợ	630.100.049.940	504.729.877.551	1.134.829.927.491
Phải trả người bán	464.050.233.881	-	464.050.233.881
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	176.653.799.561	-	176.653.799.561
Tổng cộng	1.270.804.083.382	504.729.877.551	1.775.533.960.933
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.132.842.752.170)	(434.148.970.195)	(1.566.991.722.365)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	282.165.485.757	126.614.519.748	282.165.485.757	126.614.519.748
<i>Phải thu khác</i>	77.770.806.940	70.717.647.003	77.770.806.940	70.717.647.003
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	21.799.000.000	21.799.000.000	21.799.000.000	21.799.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	573.328.849	222.199.964	573.328.849	222.199.964
Tổng cộng	382.308.621.546	219.353.366.715	382.308.621.546	219.353.366.715
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	1.173.580.843.276	1.134.829.927.491	1.173.580.843.276	1.134.829.927.491
<i>Phải trả người bán</i>	454.752.499.224	464.050.233.881	454.752.499.224	464.050.233.881
<i>Phải trả khác</i>	288.809.070.064	176.653.799.561	288.809.070.064	176.653.799.561
Tổng cộng	1.917.142.412.564	1.775.533.960.933	1.917.142.412.564	1.775.533.960.933

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi số của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh than (chiếm 99,58% doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017), do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính được bắt đầu từ 01/01/2017 và kết thúc vào 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Ông Phạm Hồng Tài	Quảng Ninh	Chủ tịch HĐQT	-
Ông Phạm Văn Long	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	0,01%
Ông Phạm Thành Đông	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT; Giám đốc	-
Ông Phạm Hồng Lương	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	0,01%
Ông Nghiêm Chí Minh	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	-
Ông Trần Tuấn Anh	Hà Nội	Ủy viên HĐQT	-
Ông Nguyễn Văn Sinh	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	0,008%
Ông Phạm Quốc Việt	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	0,004%
Ông Vương Văn Biên	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	0,011%
Ông Mai Huy Giáp	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	0,009%
Bà Nguyễn Lan Chi	Quảng Ninh	Trưởng Ban kiểm soát	-
Ông Nguyễn Duy Tiến	Quảng Ninh	TV Ban Kiểm soát	0,001%
Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Quảng Ninh	TV Ban Kiểm soát	0,009%
Công ty cổ phần vật tư - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần Vận tải & Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Cơ khí Hòn Gai – Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	Thái Nguyên	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần du lịch và thương mại - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty Cổ Phần SX và KD Vật tư thiết bị - VVMI	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần Hạ Long	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần kinh doanh Than Cẩm Phả - vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần giám định - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty than Khe Chàm - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Trường Cao đẳng than - Khoáng sản Việt Nam	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần phát triển công nghệ và thiết bị mỏ	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty chế biến than Quảng Ninh - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Cty CP than Đèo Nai	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
TT điều dưỡng ngành than VVMI - CN TCT CN mỏ V bắc TKV - CTCP	Thanh Hóa	Cùng tập đoàn	-
Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Tuyển than Cửa Ông	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Than Thống Nhất-TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Tổng công ty khoáng sản-TKV	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Công ty cổ phần địa chất Việt Bắc - TKV	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty TNHH 1TV khai thác KS và DV ITASCO	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	Hà Nội	Công ty mẹ	51%

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)</u>
Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	759.248.308 (*)	923.001.225

(*) Chi tiết cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2017

Lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc	566.048.308
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	142.800.000
Thù lao Ban kiểm soát	50.400.000

Số dư tại ngày 30/06/2017 và các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2017 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan
- Phụ biểu 02: Bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan.
- Phụ biểu 03: Than bán với các bên liên quan
- Phụ biểu 04: Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Số liệu được dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Thành Đông

1344064
CÔNG T
H NHIỆM H
PKF
IỆT NA
XUAN -

TỔNG HỢP MUA VẬT TƯ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ MUA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
20	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin	544.642.727
	Dịch vụ	544.642.727
21	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	7.362.008.246
	Dịch vụ	7.362.008.246
22	Công ty Cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	109.525.977
	Vật tư	109.525.977
23	Công ty chế biến than Quảng Ninh - TKV	12.205.890.805
	Dịch vụ	12.205.890.805
24	Công ty cổ phần tin học công nghệ môi trường - Vinacomin	159.128.304
	Dịch vụ	159.128.304
25	Cty CP than Đèo Nai-vinacomin	16.648.164.818
	Dịch vụ	16.648.164.818
26	CN công ty xuất nhập khẩu - Vinacomin tại Quảng Ninh	790.258.400
	Vật tư	790.258.400
27	TT điều dưỡng ngành than VVMI - CN TCT CN mỏ V bắc TKV - CTCP	75.600.000
	Dịch vụ	75.600.000
28	Chi nhánh công ty cổ phần chế tạo máy - vinacomin	740.467.000
	Vật tư	740.467.000
29	CN công ty cổ phần vật tư - TKV Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	675.990.000
	Vật tư	675.990.000
	Tổng cộng	633.583.338.551

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Thành Đông

TỔNG HỢP BÁN VẬT TƯ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
	Tổng bán	9.578.802.581
1	Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả	280.006.000
	<i>Dịch vụ</i>	280.006.000
2	Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	998.554.075
	<i>Vật tư</i>	998.554.075
3	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin	3.392.593.000
	<i>Vật tư</i>	3.392.593.000
4	Công ty Kho vận và cảng Cẩm phả	3.992.912.306
	<i>Dịch vụ</i>	3.992.912.306
5	Công ty cổ phần kinh doanh Than Cẩm Phả - vinacomin	203.415.000
	<i>Dịch vụ</i>	203.415.000
6	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	35.144.000
	<i>Dịch vụ</i>	35.144.000
7	Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản	340.362.000
	<i>Dịch vụ</i>	340.362.000
8	Công ty chế biến than Quảng Ninh - TKV	335.816.200
	<i>Dịch vụ</i>	335.816.200
	Tổng cộng	9.578.802.581

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

BẢNG KÊ THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

TT	Tên đơn vị mua	Số lượng	Doanh thu
A	B	(tấn)	VND
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	521.589,99	745.348.064.434
2	Công ty Tuyển than Cửa Ông - Vinacomin	1.130.733,20	1.413.159.842.756
	Tổng cộng		2.158.507.907.190

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Thành Đông

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ			
		131	228	331	335
		1		1	2
A	CÁC KHOẢN PHẢI THU	281.721.626.000		-	-
<i>I</i>	NGẮN HẠN	281.721.626.000		-	-
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	45.817.301.437			
2	Công ty Tuyên than Cửa Ông - TKV	235.527.357.423			
3	Công ty Than Thống Nhất- TKV	124.749.900			
4	Tổng công ty khoáng sản-TKV	252.217.240			
<i>II</i>	DÀI HẠN	-		-	-
B	ĐẦU TƯ	-	21.799.000.000		
<i>I</i>	NGẮN HẠN	-	-		
<i>II</i>	DÀI HẠN	-	21.799.000.000		
1	Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV	-	21.799.000.000		
C	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ	-		218.869.278.351	-
<i>I</i>	NGẮN HẠN	-		218.869.278.351	-
1	Công ty cổ phần vật tư - TKV			74.020.553.285	
2	Chi nhánh HN - CTCP vật tư TKV			1.635.972.971	
3	Công ty cổ phần Vận tải & Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin			1.288.555.939	
4	Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Cẩm Phả			13.590.921.981	
5	Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin			2.499.608.089	
6	Công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomin			13.204.509.509	
7	Công ty Cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin			182.983.877	
8	Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI			1.267.352.700	
9	Công ty cổ phần du lịch và thương mại - Vinacomin			14.342.608.513	
10	Công ty Cổ Phần SX và KD Vật tư thiết bị - VVMI			679.643.645	
11	Công ty TNHH 1TV thương mại và dịch vụ ITASCO (Công ty CP đầu tư TM và DV - vinacomin)			257.895.990	
12	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Than - Vinacomin			47.954.085.182	
13	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin			2.044.366.816	
14	Công ty cổ phần kinh doanh Than Cẩm Phả - vinacomin			19.036.718.581	
15	Công ty cổ phần giám định - Vinacomin			409.784.201	
16	Công ty cổ phần địa chất Việt Bắc - TKV			251.872.207	
17	Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin			38.140.850	
18	Công ty than Khe Chàm - TKV			337.191.000	
19	Công ty cổ phần phát triển công nghệ và thiết bị mỏ			361.115.553	

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ			
		131	228	331	335
21	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin			1.077.702.568	
22	Công ty TNHH 1TV khai thác KS và DV ITASCO			237.837.600	
23	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV			941.658.560	
24	Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Vinacomin			413.300.881	
25	Công ty Cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI			120.478.575	
26	Công ty chế biến than Quảng Ninh - TKV			1.762.327.919	
27	Công ty CP tin học công nghệ môi trường - Vinacomin			175.041.134	
28	Cty CP than Đèo Nai-vinacomin			20.434.191.133	
29	CN công ty xuất nhập khẩu - Vinacomin tại Quảng Ninh			19.284.240	
30	Chi nhánh công ty cổ phần chế tạo máy - vinacomin			45.719.300	
31	CN công ty cổ phần vật tư - TKV Xi nghiệp vật tư Hòn Gai			237.855.552	
II	DÀI HẠN	-		-	-
C	CHI PHÍ PHẢI TRẢ				5.375.265.909
I	NGẮN HẠN				5.375.265.909
1	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam				5.375.265.909
II	DÀI HẠN	-		-	-

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Vũ Thị Thanh

Trần Tuấn Anh

Phạm Thành Đông

Số 4687/TCS-VPHĐQT

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

“ V/v: giải trình LNST 6 tháng đầu năm 2017
chênh lệch trên 10 % so với 6 tháng đầu năm 2016”

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin, mã chứng khoán: TCS, trụ sở chính: Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh, xin được giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế (LNST) so với cùng kỳ quý 6 tháng đầu năm 2016.

Số chênh lệch LNST

ĐVT: đồng

6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	Chênh lệch	Ghi chú
6.668.744.232	8.606.175.121	1.937.430.889	

Lý do chênh lệch lợi nhuận sau thuế:

6 tháng đầu năm 2017, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định của Công ty: 74 tỷ đồng cao hơn cùng kỳ năm 2016: 5 tỷ đồng.

Công ty cổ phần than Cao Sơn-Vinacomin kính báo cáo với quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- KTTC, BKS;
- Lưu VT, VPHĐQT

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Doãn Mạnh Hà